

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 3/2017
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q3/2017	Số thuế chênh lệch		Ký Nộp
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Số phải nộp thêm	Số được thoái trả	
1	Trần Kim Thu	Liều	Khoa KHCB h	119.567.749	27.000.000	10.800.000	3.401.799	78.365.950	10.723.191	15.590.790		4.867.599	
2	Nguyễn Phương	Hà	Khoa KHCB h	53.633.924	27.000.000	-	1.504.545	25.129.379	1.762.938	4.842.250		3.079.312	
3	Nguyễn Huỳnh Mai	Hạnh	Khoa KHCB h	53.372.750	27.000.000	10.800.000	1.463.635	14.109.115	705.456	4.715.100		4.009.644	
4	Nguyễn Thị Huyền	Nga	Khoa KHCB h	82.751.525	27.000.000	-	2.354.353	53.397.172	5.759.577	9.612.350		3.852.773	
5	Trịnh Khắc	Vũ	Khoa KHCB h	49.342.744	27.000.000	-	1.449.999	20.892.745	1.339.275	3.880.866		2.541.591	
6	Nguyễn Thị Thu	Tâm	Khoa KHCB a	54.118.048	27.000.000	-	1.713.595	25.404.453	1.790.445	4.498.168		2.707.723	
7	Đinh Trần Phương	Thảo	Khoa KHCB a	37.883.403	27.000.000	-	1.093.365	9.790.038	489.501	2.251.323		1.761.822	
8	Lê Nguyễn Mỹ	Trâm	Khoa KHCB a	30.742.940	27.000.000	-	1.326.780	2.416.160	120.807	903.041		782.234	
9	Lê Văn	Bình	Khoa KHCB l	38.624.769	27.000.000	-	1.228.500	10.396.269	519.813	2.211.724		1.691.911	
10	Nguyễn Văn	Đông	Khoa KHCB l	61.221.977	27.000.000	10.800.000	1.868.098	21.553.879	1.405.389	5.676.889		4.271.500	
11	Cao Đình Trung	Hậu	Khoa KHCB l	62.362.368	27.000.000	21.600.000	-	13.762.368	688.119	11.157.240		10.469.121	
12	Đặng Thị Kiến	Trúc	Khoa KHCB l	54.953.640	27.000.000	21.600.000	1.663.635	4.690.005	234.501	4.760.473		4.525.972	
13	Nguyễn Thanh	Tú	Khoa KHCB l	77.530.027	27.000.000	21.600.000	2.234.232	26.695.795	1.919.580	8.621.100		6.701.520	
14	Nguyễn Văn	Hậu	Khoa KHCB t	48.852.106	27.000.000	-	958.230	20.893.876	1.339.389	3.455.780		2.116.391	
15	Dương Đức	Kiên	Khoa KHCB t	40.371.318	27.000.000	10.800.000	958.230	1.613.088	80.655	3.216.260		3.135.605	
16	Hà Như	Mai	Khoa KHCB t	52.895.922	27.000.000	-	1.318.590	24.577.332	1.707.732	5.175.025		3.467.293	
17	Cao Thị	Nga	Khoa KHCB t	51.382.179	27.000.000	-	2.253.275	22.128.904	1.462.890	2.814.430		1.351.540	
18	Phạm Thị Thu	Nga	Khoa KHCB t	74.606.604	27.000.000	10.800.000	1.985.146	34.821.458	2.973.219	8.310.200		5.336.981	
19	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	Khoa KHCB t	67.745.390	27.000.000	21.600.000	2.040.293	17.105.097	960.510	6.997.634		6.037.124	

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, đến nộp tại phòng KHTC trước ngày 25/12/2017.

STT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q3/2017	Số thuế chênh lệch		Ký Nộp
				Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Số phải nộp thêm	Số được thoái trả	
20	Nguyễn Thị Thùy	Khoa KHCB t	45.621.051	27.000.000	10.800.000	1.306.305	6.514.746	325.737	3.860.481		3.534.744	
21	Nguyễn Đức Thắng	Khoa KHCB t	65.089.844	27.000.000	10.800.000	2.719.407	24.570.437	1.707.045	4.291.320		2.584.275	
22	Nguyễn Phú Tân	Khoa KHCB t	36.555.649	27.000.000	-	1.563.635	7.992.014	399.600	1.083.878		684.278	
23	Ngô Thanh Điền	Khoa KHCB	53.006.629	27.000.000	10.800.000	1.693.611	13.513.018	675.651	3.584.426		2.908.775	
24	Trương Thị Hồng	Khoa KHCB	35.873.673	27.000.000		1.093.365	7.780.308	389.016	1.763.446		1.374.430	
25	Võ Thị Hồng Lan	Khoa KHCB a	45.613.669	27.000.000	21.600.000	2.075.674	(5.062.005)	-	2.121.763		2.121.763	
26	Vương Thanh Thùy	Khoa KHCB a	31.059.541	27.000.000	21.600.000	1.708.599	(19.249.058)	-	579.877		579.877	
27	Nguyễn Thị Bảo Trân	Khoa KHCB a	40.087.039	27.000.000	21.600.000	1.713.595	(10.226.556)	-	1.803.647		1.803.647	
28	Phạm Thị Thu Hiền	Khoa KHCB a	18.705.994	27.000.000		958.230	(9.252.236)	-	162.790		162.790	
29	Trần Thanh Trúc	Khoa KHCB a	21.796.428	27.000.000		958.230	(6.161.802)	-	384.624		384.624	
30	Trần Thị Ánh Tuyết	Khoa KHCB l	54.189.998	27.000.000	32.400.000	1.318.590	(6.528.592)	-	5.347.275		5.347.275	
31	Lê Thái Hùng	Khoa KHCB t	59.265.272	27.000.000	43.200.000	1.749.438	(12.684.166)	-	4.651.625		4.651.625	
32	Giang Phi Hùng	Khoa KHCB t	37.327.877	27.000.000	21.600.000	1.330.875	(12.602.998)	-	1.278.184		1.278.184	
33	Nguyễn Mạnh Phương	Khoa KHCB t	21.720.750	27.000.000		1.339.065	(6.618.315)	-	34.782		34.782	
34	Lê Thị Phương Thúy	Khoa KHCB	25.942.963	27.000.000	10.800.000	434.070	(12.291.107)	-	1.585.149		1.585.149	
35	Nguyễn Thị Minh Quý	Khoa KHCB a	44.002.295	27.000.000	10.800.000	2.905.006	3.297.289	164.865		164.865		-
TỔNG CỘNG										164.865	101.743.874	

Tổng cộng thuế phải nộp thêm:

101.743.874

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi lăm đồng)

Tổng cộng thuế được thoái trả:

164.865

(Bằng chữ: Một trăm lẻ một triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng)

Ngày 31 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Lê Hữu Nhân

Nguyễn Kính

Phạm Hữu Lộc